

Số: 106/2026/TTKĐ - PTN

Cao Bằng, ngày 10 tháng 4 năm 2026

CÔNG BỐ
THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ
NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 522/SXD-XD ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng về việc tự công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Cao Bằng công bố công khai thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Thông tin tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Tên tổ chức: Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Cao Bằng.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

+ Quyết định số 1760/QĐ-UBND ngày 28/7/2005 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Cao Bằng;

+ Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Cao Bằng, trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng.

- Địa chỉ: Tổ dân phố Sông Hiến 05, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng

- Điện thoại: (0206) 3 952 985 Fax: (0206) 3 952 983

- Email: kiemdinhcaobang@gmail.com

- Website: ttkdcaobang.id.vn

- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Kiểm định xây dựng

- Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Tổ dân phố Sông Hiến 05, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng.

- Trạm thí nghiệm hiện trường (Phụ lục 04 kèm theo)



2. Thông tin năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm; tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (Phụ lục 01 kèm theo)

- Danh mục máy móc, thiết bị để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (Phụ lục 02 kèm theo)

- Danh sách cán bộ quản lý, thí nghiệm viên thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (Phụ lục 03 kèm theo)

3. Cam kết

Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Cao Bằng cam kết:

- Thông tin cung cấp đầy đủ, trung thực, chính xác;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố;
- Cập nhật khi có thay đổi theo quy định./.

**TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**



Bùi Văn Tạo

PHỤ LỤC 01

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM, TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
TƯƠNG ỨNG ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM**

(Kèm theo Bản công bố thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: 106/2026/TTKD - PTN ngày tháng 4 năm 2026)

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị và dụng cụ thí nghiệm
XI MĂNG			
1	Xi măng - Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 4787:2009	Gáo, ống hoặc dụng cụ lấy mẫu hình xoắn vít
2	Xi măng - Phương pháp xác định độ mịn (khối lượng riêng)	TCVN 13605:2023	Sàng, cân kỹ thuật, bình Le Chatelier, bể ổn nhiệt
3	Xi măng - Phương pháp thử - Xác định cường độ	TCVN 6016:2011	Tủ dưỡng hộ, máy trộn, khuôn, thiết bị dẫn, máy thử cường độ, gá định vị, cân kỹ thuật
4	Xi măng - Phương pháp xác định thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	Cân kỹ thuật, ống đồng, máy trộn, dụng cụ Vicat, thước đo
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
5	Hỗn hợp bê tông và bê tông – Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022	Khuôn đúc mẫu, dụng cụ lấy mẫu, đầm mẫu, bể ngâm mẫu
6	Hỗn hợp bê tông - Phương pháp xác định độ sụt	TCVN 3106:2022	Côn thử độ sụt, dụng cụ lấy mẫu, thước đo
7	Hỗn hợp bê tông - Phương pháp xác định khối lượng thể tích	TCVN 3108:1993	Thùng kim loại, thiết bị đầm, cân kỹ thuật, thước lá
8	Hỗn hợp bê tông nặng - Phương pháp phân tích thành phần	TCVN 3110:1993	Cân kỹ thuật, sàng, tủ sấy

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị và dụng cụ thí nghiệm
9	Bê tông - Phương pháp xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	Cân kỹ thuật, thùng ngâm, tủ sấy, bình hút ẩm
10	Bê tông - Phương pháp xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022	Cân kỹ thuật, thước đo, tủ sấy, bình hút ẩm, thùng kín
11	Bê tông - Phương pháp xác định độ chống thấm nước - Phương pháp vết thấm	TCVN 3116:2022	Máy thử độ chống thấm, khuôn đúc mẫu
12	Bê tông - Phương pháp xác định cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022	Máy nén, thước đo chiều dài, thước đo góc
13	Bê tông - Phương pháp xác định cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:2022	Máy nén, gối uốn, thước đo
14	Bê tông nhẹ - Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; Xác định kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh và độ phẳng mặt	TCVN 9030:2017	Thước thẳng, thước ke vuông, thước nivô, thước lá, bộ căn lá thép;
15	Bê tông nhẹ - Xác định cường độ nén	TCVN 9030:2017	Máy nén, cân kỹ thuật, tủ sấy
16	Bê tông nhẹ - Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2017	Tủ sấy, thước cặp, cân kỹ thuật
17	Bê tông nhẹ - Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	Cân kỹ thuật, thùng ngâm, tủ sấy, bình hút ẩm
18	Bê tông - Phương pháp xác định cường độ chịu kéo khi bửa	TCVN 3120: 2022	Máy nén, gối, tấm đệm truyền tải
19	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011	Máy nén, tấm đệm truyền tải, bể ổn nhiệt, nhiệt kế

NG
 TRU
 KIẾ
 CHẤ
 CÔN
 XÃ

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị và dụng cụ thí nghiệm
VỮA XÂY DỰNG			
20	Vữa xây dựng - Phương pháp thử - Phần 1: Xác định kích thước hạt lớn nhất của cốt liệu	TCVN 3121-1:2022	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy
21	Vữa xây dựng - Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3121-2:2022	Thùng chứa, bay, xẻng, cân kỹ thuật
22	Vữa xây dựng - Phương pháp thử - Phần 10: Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước kẹp, cân thủy tĩnh
23	Vữa xây dựng - Phương pháp thử - Phần 11: Xác định cường độ uốn và nén của vữa đóng rắn	TCVN 3121-11:2022	Khuôn, chày đầm mẫu, tủ dưỡng hộ, máy thử uốn, nén
24	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co: Xác định độ tách nước, độ chảy	TCVN 9204:2012	Máy trộn vữa, nhót kế Suttard, thùng kim loại, cân kỹ thuật, pipet
25	Vữa chèn cáp dự ứng lực - Xác định độ chảy	TCVN 11971:2018	Côn, ống đong, nhiệt kế
26	Vữa chèn cáp dự ứng lực - Xác định cường độ nén	TCVN 11971:2018	Tủ dưỡng hộ, máy trộn, khuôn, thiết bị dẫn, máy thử cường độ, gá định vị, cân kỹ thuật
27	Vữa xi măng - Kiểm tra độ chảy	ASTM C939	Bộ phễu rót vữa, máy trộn vữa, cân kỹ thuật
CÓT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA			
28	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	Cân kỹ thuật, dụng cụ xúc mẫu, thiết bị chia mẫu

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị và dụng cụ thí nghiệm
29	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006; AASHTO T27	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy
30	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; AASHTO T84; AASHTO T85	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình dung tích, thùng ngâm mẫu, khay chứa, cân thử độ sụt, bình hút ẩm, sàng
31	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; AASHTO T84; AASHTO T85	Cân kỹ thuật, cân thủy tĩnh, thùng ngâm mẫu, thước kẹp, tủ sấy
32	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Xác định khối lượng thể tích xộp và độ hong	TCVN 7572-6:2006	- Thùng đong 1 lít, 2 lít, 5 lít, 10 lít và 20 lít; cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thước lá
33	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy
34	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - XĐ hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; AASHTO T112	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng rửa cốt liệu
35	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006	Ống đong, cân kỹ thuật, bếp cách thủy, sàng, thang màu
36	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - XĐ cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006	Máy nén, máy khoan, máy cắt đá, thước kẹp, thùng ngâm mẫu

TINA
 TÂM
 TỈNH
 TỈNH
 TỈNH
 TỈNH
 TỈNH

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị và dụng cụ thí nghiệm
37	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy nén, xi lanh thép, cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thùng ngâm mẫu
38	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - XĐ độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006	Máy Los Angeles, cân kỹ thuật, bộ sàng, tủ sấy
39	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	Cân kỹ thuật, thước kẹp cải tiến, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy
40	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006; AASHTO T112	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, kim sắt và kim nhôm
41	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006	Cân kỹ thuật, kính lúp
42	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, giấy nhám, đĩa thủy tinh
43	Đá xây dựng - Phương pháp xác định độ bền nén	TCVN 10324:2014	- Máy nén, máy khoan, máy cắt đá, thước kẹp, đồng hồ đo biến dạng, thước đo vuông góc, máy hút chân không, cân kỹ thuật, tấm đệm bằng thép, đĩa thủy tinh
44	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	AASHTO T176	Ống đong có vạch chia, máy lắc

CAO BANG

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị và dụng cụ thí nghiệm
ĐẤT TRONG PHÒNG			
45	Đất xây dựng - Lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu	TCVN 2683:2012	Dao, xẻng, ống có đế vát phía ngoài (ống vát), cung dây ... hoặc ống mẫu nguyên trạng
46	Đất xây dựng - Phương pháp xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195:2012	Cân kỹ thuật, bình tỷ trọng, cối chày sứ, sàng, bếp cách cát, tủ sấy, bình hút chân không, tỷ trọng kế, thiết bị ổn nhiệt, hộp nhôm
47	Đất xây dựng - Phương pháp xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, hộp nhôm, sàng, cối chày sứ
48	Đất xây dựng - Phương pháp xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm	TCVN 4197:2012; AASHTO T89; T90	Sàng, cối chày sứ, bình thủy tinh, cân kỹ thuật, hộp nhôm, tủ sấy, khay
49	Đất xây dựng - Phương pháp phân tích thành phần hạt trong phòng thí nghiệm	TCVN 4198:2014; AASHTO T2; AASHTO T11	Sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy, nhiệt kế, bình hút ẩm, cối chày sứ, khay
50	Đất xây dựng - Phương pháp xác định sức chống cắt trong phòng thí nghiệm ở máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995	Máy cắt phẳng, đồng hồ đo biến dạng
51	Đất xây dựng - Phương pháp xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012	Máy nén, tủ sấy, cân kỹ thuật, đồng hồ đo biến dạng

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị và dụng cụ thí nghiệm
52	Đất xây dựng - Phương pháp xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012; AASHTO T99	Cối chày đầm, cân kỹ thuật, sàng, tủ sấy, bình hút ẩm, hộp nhôm, khay, cối chày sứ
53	Đất xây dựng - Phương pháp xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012	Dao vòng, thước cặp, cân kỹ thuật, hộp nhôm, tủ sấy, bình hút ẩm
54	Đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông - Đầm nén proctor	TCVN 12790:2020	Cối chày đầm, cân kỹ thuật, tủ sấy, sàng
55	Vật liệu nền, móng mặt đường - Phương pháp xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020	Máy nén CBR, cối chày đầm, dụng cụ đo trương nở, bể ngâm mẫu, tủ sấy, cân kỹ thuật, sàng
56	Đất xây dựng công trình thủy lợi - Phương pháp xác định các đặc trưng trương nở của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8719:2012	Thiết bị thí nghiệm trương nở, xác định độ ẩm, xác định khối lượng thể tích đất, cân kỹ thuật, cối chày sứ, sàng, khay
57	Đất xây dựng công trình thủy lợi - Phương pháp xác định các đặc trưng co ngót của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8720:2012	Dao vòng, thước cặp, cân kỹ thuật, khay, thiết bị xác định độ ẩm, khối lượng thể tích
58	Đất xây dựng công trình thủy lợi - Phương pháp xác định độ ẩm của đất tại hiện trường	TCVN 8728:2012	Cân kỹ thuật, bình hút ẩm, pipet, hộp nhôm

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị và dụng cụ thí nghiệm
59	Đất xây dựng công trình thủy lợi - Phương pháp xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường	TCVN 8729:2012	Dao vòng, cân kỹ thuật, thước kẹp, sàng, thiết bị xác định độ ẩm
60	Đất xây dựng công trình thủy lợi - Phương pháp xác định độ chặt đất sau đầm nén tại hiện trường	TCVN 8730:2012	Thiết bị rót cát, cân kỹ thuật, thước cặp, khay, thiết bị xác định độ ẩm
61	Xác định hàm lượng hữu cơ	AASHTO T267	Tủ sấy, cân kỹ thuật, lò nung
62	Đất xây dựng - Phương pháp xác định độ bền nén một trục nở hông	TCVN 9438:2012; ASTM D2166; AASHTO T208	Máy nén, đồng hồ đo biến dạng, thước đo, cân kỹ thuật, khay
GẠCH XÂY, GẠCH BÊ TÔNG			
63	Gạch xây - Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	Thước cặp, thước lá, thước thẳng
64	Gạch xây - Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009	Máy nén, máy cắt mẫu, thước đo, dụng cụ làm phẳng mặt mẫu
65	Gạch xây - Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy thử uốn, thước đo, dụng cụ làm phẳng mặt mẫu
66	Gạch xây - Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bể ngâm mẫu
67	Gạch xây - Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước đo
68	Gạch xây - Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Thùng chứa mẫu, cân kỹ thuật
69	Gạch xây - Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009	Thùng chứa mẫu, thước đo

G
 TRUN
 IEM
 AT L
 NG T
 AY D
 ★

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị và dụng cụ thí nghiệm
70	Gạch bê tông tự chèn - Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999	Thước lá, thước đo độ cong vênh
71	Gạch bê tông tự chèn - Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999	Thước lá, dụng cụ làm phẳng mặt mẫu, máy nén, bộ má ép
72	Gạch bê tông tự chèn - Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bể ngâm mẫu
73	Gạch bê tông - Xác định kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016	Thước lá, thước kẹp
74	Gạch bê tông - Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016	Cân kỹ thuật, thước đo
75	Gạch bê tông - Xác định cường độ chịu nén	TCVN 6477:2016	Thước lá, dụng cụ làm phẳng mặt mẫu, máy nén
76	Gạch bê tông - Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016	Thiết bị thử độ thấm nước, khay chứa mẫu
77	Gạch bê tông - Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bể ngâm mẫu
GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP			
78	Bê tông nhẹ - Gạch bê tông bọt, khí không chung áp - Xác định khối lượng thể tích khô	TCVN 7959:2011	Tủ sấy, thước lá, cân kỹ thuật
79	Bê tông nhẹ - Gạch bê tông bọt, khí không chung áp - Xác định cường độ nén	TCVN 9030:2017	Máy nén, tủ sấy, thước lá, dụng cụ gia công mẫu
80	Bê tông nhẹ - Gạch bê tông bọt, khí không chung áp - Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	Cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu, tủ sấy, bình hút ẩm

TIN
3 TÂN
ĐỊNH
ƯỚC
RINI
ỤNG

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị và dụng cụ thí nghiệm
GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP (AAC)			
81	Bê tông nhẹ - Gạch bê tông khí chung áp (AAC) - Xác định khối lượng thể tích khô	TCVN 7959:2011	Tủ sấy, thước lá, cân kỹ thuật
82	Bê tông nhẹ - Gạch bê tông khí chung áp (AAC) - Xác định cường độ nén	TCVN 7959:2011	Máy nén, cân kỹ thuật, tủ sấy, dụng cụ làm phẳng mặt mẫu
GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN			
83	Gạch xi măng lát nền - Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6065:1995	Thước kim loại, thước cặp, tấm dưỡng
84	Gạch xi măng lát nền - Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bể ngâm mẫu
85	Gạch xi măng lát nền - Xác định tải trọng uốn gãy toàn viên	TCVN 6065:1995	Thước lá, máy uốn
86	Gạch xi măng lát nền - Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995	Đầu chìa khoá đồng
GẠCH LÁT GRANITO			
87	Gạch lát Granito - Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6074:1995	Thước lá, thước góc
88	Gạch lát Granito - Độ cứng lớp mặt	TCVN 6074:1995	Chìa vạch bằng đồng
GẠCH TERAZO			
89	Gạch Terazo - Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước	TCVN 7744:2013	Thước kẹp, thước nivô, tấm dưỡng



TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị và dụng cụ thí nghiệm
90	Gạch Terazo - Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng chứa nước
91	Gạch Terazo - Xác định độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy thử uốn, thước đo, dụng cụ làm phẳng mặt mẫu
ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN			
92	Đá ốp lát tự nhiên - Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước	TCVN 4732:2016	Thước kim loại, thước kẹp, thước nivô, thước lá
93	Đá ốp lát tự nhiên - Xác định độ hút nước và khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:2016	Tủ sấy, thiết bị gia nhiệt, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, giá chứa mẫu, cốc thủy tinh, bình chân không
94	Đá ốp lát tự nhiên - Xác định độ bền uốn	TCVN 6415-4:2016	Tủ sấy, đồng hồ đo áp lực, máy uốn
ĐÁ ỐP LÁT NHÂN TẠO TRÊN CƠ SỞ CHẤT KẾT DÍNH HỮU CƠ			
95	Đá ốp lát nhân tạo trên cơ sở chất kết dính hữu cơ - Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 8057:2009	Thước kẹp, thước kim loại, thước đo góc
96	Đá ốp lát nhân tạo trên cơ sở chất kết dính hữu cơ - Xác định độ hút nước	TCVN 6415-3:2016	Tủ sấy, thiết bị gia nhiệt, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, giá chứa mẫu, cốc thủy tinh, bình chân không
97	Đá ốp lát nhân tạo trên cơ sở chất kết dính hữu cơ - Xác định lực uốn gãy và độ bền uốn	TCVN 6415-4:2016	Tủ sấy, đồng hồ đo áp lực, máy uốn

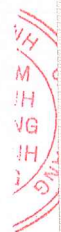
TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị và dụng cụ thí nghiệm
98	Đá ốp lát nhân tạo trên cơ sở chất kết dính hữu cơ - Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415-18:2016	Khoáng chuẩn độ cứng bề mặt theo thang Mohs
GẠCH GỐM ỐP LÁT			
99	Gạch gốm ốp, lát - Lấy mẫu và nghiệm thu sản phẩm	TCVN 6415-1:2016	
100	Gạch gốm ốp, lát - Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-4:2016	Tủ sấy, đồng hồ đo áp lực, máy uốn
101	Gạch gốm ốp, lát - Xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7:2016	Thiết bị mài mòn, vật liệu mài, nguồn sáng, tủ sấy, cân kỹ thuật
102	Gạch gốm ốp, lát - Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415-18:2016	Khoáng chuẩn độ cứng bề mặt theo thang Mohs
KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG			
103	Vật liệu kim loại - Thử kéo - Phương pháp thử ở nhiệt độ phòng	TCVN 197-1:2014 (ISO 6892-1:2009); TCVN 7937-1: 2013 (ISO 15630-1: 2010)	Máy kéo, thiết bị khắc vạch, thước đo, cân kỹ thuật
104	Vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 198:2008 (ISO 7438:2005); TCVN 7937-1: 2013 (ISO 15630-1:2010)	Máy uốn, gôỉ uốn
105	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 5401:2010 (ISO 5173:2009)	Máy uốn, gôỉ uốn
106	Mối hàn - Phương pháp thử kéo	TCVN 5403:1991	Máy kéo, thiết bị khắc vạch, thước đo, cân kỹ thuật

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị và dụng cụ thí nghiệm
107	Bulông, vít, vít cây và đai ốc - Thử kéo	TCVN 1916 - 1995	Máy kéo, thước đo, Bộ gá thử cường độ kéo bulông
108	Thép cốt bê tông - Mối nối bằng ống ren - Thử kéo	TCVN 8163:2009	Máy kéo, thước đo
109	Vật liệu kim loại - Ống - Thử nén bẹp	TCVN 1830:2008 (ISO 8492:1998)	Máy thử nén bẹp
BÊ TÔNG NHỰA			
110	Bê tông nhựa - Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; ASTM D6927	Máy nén Marshall, bộ thiết bị đúc mẫu, tủ sấy, khay, nhiệt kế, cân kỹ thuật, thước kẹp
111	Bê tông nhựa - Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:2011	Máy quay ly tâm, giấy lọc, tủ sấy, bếp điện, lò nung, khay, cân kỹ thuật, ống đong, cốc nung, bình hút ẩm
112	Bê tông nhựa - Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011; AASHTO T27	Bộ sàng, tủ sấy, cân kỹ thuật
113	Bê tông nhựa - Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	Bình đựng mẫu, máy hút chân không, cân kỹ thuật, tủ sấy
114	Bê tông nhựa - Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011	Cân kỹ thuật, dụng cụ cân thủy tĩnh, tủ sấy, nhiệt kế
115	Bê tông nhựa - Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân kỹ thuật
116	Bê tông nhựa - Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	Bộ dụng cụ xác định độ góc cạnh của cát, khay, cân kỹ thuật, tủ sấy

NG
TRU
KIỂM
HẬT
ÔNG
XÂY

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị và dụng cụ thí nghiệm
117	Bê tông nhựa - Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	Máy nén Marshall, bộ thiết bị đúc mẫu, tủ sấy, khay, nhiệt kế, cân kỹ thuật, thước kẹp, dụng cụ cân thủy tĩnh
118	Bê tông nhựa - Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	Máy nén Marshall, bộ thiết bị đúc mẫu, tủ sấy, khay, nhiệt kế, cân kỹ thuật, thước kẹp, dụng cụ cân thủy tĩnh, bình đựng mẫu, máy hút chân không
119	Bê tông nhựa - Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	Máy nén Marshall, bộ thiết bị đúc mẫu, tủ sấy, khay, nhiệt kế, cân kỹ thuật, thước kẹp, dụng cụ cân thủy tĩnh
120	Bê tông nhựa - Xác định độ lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	Máy nén Marshall, bộ thiết bị đúc mẫu, tủ sấy, khay, nhiệt kế, cân kỹ thuật, thước kẹp, dụng cụ cân thủy tĩnh, bình đựng mẫu, máy hút chân không
121	Bê tông nhựa - Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Máy nén Marshall, bộ thiết bị đúc mẫu, tủ sấy, khay, nhiệt kế, cân kỹ thuật, thước kẹp
122	Bê tông nhựa - Phương pháp xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017	Bộ dụng cụ xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô, khay, cân kỹ thuật, tủ sấy
VẬT LIỆU DÙNG CHO BÊ TÔNG NHỰA			
123	Xác định hàm lượng vật liệu nhỏ hơn 0,075mm	AASHTO T11	Sàng, bình kim loại, cân kỹ thuật, tủ sấy

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị và dụng cụ thí nghiệm
124	Đá xây dựng công trình thủy lợi - Phương pháp xác định khối lượng riêng của đá trong phòng thí nghiệm	TCVN 8735:2012	Bình tỷ trọng, cân kỹ thuật, tủ sấy, nhiệt kế, bình hút ẩm, thiết bị nghiền đá, sàng, cốc sứ, bếp đun
125	Bột khoáng dùng cho hỗn hợp đá trộn nhựa - Xác định tỷ lệ thành phần hạt	TCVN 12884:2-2020	Cân, tủ sấy, sàng, bình hút ẩm
126	Bột khoáng dùng cho hỗn hợp đá trộn nhựa - Xác định độ ẩm	TCVN 12884:2-2020	Cân, tủ sấy, khay
127	Bột khoáng dùng cho hỗn hợp đá trộn nhựa - Xác định hệ số thích nước	TCVN 12884:2-2020	Cân, tủ sấy, bát sứ, chày, đĩa thủy tinh, ống đong
128	Bitum - Phương pháp lấy mẫu	TCVN 7494:2005; ASTM D 140	Dụng cụ lấy mẫu chuyên dụng
129	Bitum - Phương pháp xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005; ASTM D5	Thiết bị xuyên kim, bể ổn nhiệt, nhiệt kế
130	Bitum - Phương pháp xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005; ASTM D 113	Khuôn đúc mẫu, bể ổn nhiệt, thiết bị kéo mẫu bitum, nhiệt kế
131	Bitum - Phương pháp xác định điểm hóa mềm (dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D36	Thiết bị hóa mềm bitum, nhiệt kế
132	Bitum - Phương pháp xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005; ASTM D92	Thiết bị cốc hồ Cleveland, nhiệt kế, ngọn lửa thử
133	Bitum - Phương pháp xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005; ASTM D6	Tủ sấy, giá quay, nhiệt kế, cốc nhôm



TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị và dụng cụ thí nghiệm
134	Bitum - Phương pháp xác định khối lượng riêng (phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005; ASTM D70	Tỷ trọng kế, bể ổn nhiệt, nhiệt kế
135	Bitum - Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005	- Tủ sấy, nhiệt kế, thiết bị chưng cất, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, giấy lọc
136	Bitum - Phương pháp xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005	Dây buộc, bình thủy tinh, bếp đun, nhiệt kế
137	Bitum - Phương pháp xác định độ đàn hồi	TCVN 11194:2017	Khuôn đúc mẫu, bể ổn nhiệt, thiết bị kéo mẫu bitum, nhiệt kế
138	Nhũ tương nhựa đường a xít - Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011	Bình lưu mẫu, pipet, cân kỹ thuật, cốc thủy tinh, đĩa thủy tinh, tủ sấy
139	Nhũ tương nhựa đường a xít - Xác định lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4:2011	Sàng, khay, nhiệt kế, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm
140	Nhũ tương nhựa đường a xít - Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011	Sàng, cốc kim loại, đĩa kim loại, buret, cân kỹ thuật, tủ sấy
141	Nhũ tương nhựa đường a xít - Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011	Sàng, khay, dụng cụ trộn, ống đong, cân kỹ thuật, tủ sấy
142	Nhũ tương nhựa đường a xít - Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011	Dụng cụ trộn mẫu, sàng, nhiệt kế, cân kỹ thuật, pipet
143	Nhũ tương nhựa đường a xít - Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011	Cốc thủy tinh, đĩa thủy tinh, cân kỹ thuật, tủ sấy, sàng

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị và dụng cụ thí nghiệm
144	Nhũ tương nhựa đường a xít - Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh	TCVN 8817-11:2011	Cốc trộn, dao trộn, tủ sấy, cân kỹ thuật, khay, ống đong, nhiệt kế
145	Nhũ tương nhựa đường a xít - Xác định khả năng trộn lẫn với nước.	TCVN 8817-13:2011	Cốc thủy tinh, ống đong, nhiệt kế, đĩa thủy tinh
146	Nhũ tương nhựa đường a xít - Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011	Bình đong, cân kỹ thuật, bể ổn nhiệt
147	Nhũ tương nhựa đường a xít - Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011	Cốc kim loại, chảo, ống đong, sàng
148	Nhựa đường lỏng - Thử nghiệm xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011	Thiết bị cốc hồ, nhiệt kế
BENTONITE			
149	Vật liệu Bentonite - Xác định khối lượng riêng	TCVN 11893:2017	Dụng cụ cân tỷ trọng
150	Vật liệu Bentonite - Xác định độ nhớt phễu Marsh	TCVN 11893:2017	Phễu Marsh, cốc có vạch chia, nhiệt kế
151	Vật liệu Bentonite - Xác định hàm lượng cát	TCVN 11893:2017	Sàng, phễu, bình đo
152	Vật liệu Bentonite - Xác định độ pH	TCVN 11893:2017	Thiết bị đo pH, nhiệt kế
153	Dung dịch Bentonite Polyme - Xác định khối lượng riêng	TCVN 13068:2020	Dụng cụ cân tỷ trọng

DỰN
T
KII
CHÀ
CỒN
XÂY

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị và dụng cụ thí nghiệm
154	Dung dịch Bentonite Polyme - Xác định độ nhớt phễu Marsh	TCVN 13068:2020	Phễu Marsh, cốc có vạch chia, nhiệt kế
155	Dung dịch Bentonite Polyme - Xác định hàm lượng cát	TCVN 13068:2020	Sàng, phễu, bình đo
156	Dung dịch Bentonite Polyme - Xác định độ pH	TCVN 13068:2020	Thiết bị đo pH, nhiệt kế
THÍ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG			
157	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm hiện trường - Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012	Thiết bị khoan tạo lỗ, thiết bị xuyên tiêu chuẩn SPT
158	Đất xây dựng - Phương pháp xác định môđun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012	Tấm nén, các thiết bị chất tải, neo giữ, võng kế, hệ mốc chuẩn
159	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020	Dao dai, cân kỹ thuật, thiết bị sấy khô
160	Xác định độ chặt nền, móng đường bằng phễu rót cát	AASHTO T191; ASTM D1556	Bộ phễu rót cát, cân kỹ thuật, tủ sấy, sàng
161	Thí nghiệm độ chặt hiện trường nền đắp đá, đá lẫn đất bằng phương pháp rót nước	ASTM D5030	Cân kỹ thuật, tủ sấy, sàng, nhiệt kế, bản kim loại, thiết bị đo nước
162	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011	Kích gia tải, bộ dụng cụ CBR hiện trường, thước ni vô, hộp nhôm

3
 HUNG
 M D
 T LU
 G TR
 ' DUY
 ★

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị và dụng cụ thí nghiệm
163	Áo đường mềm - Phương pháp xác định Modun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Hệ thống chất tải, kích thủy lực, tấm ép cứng, đồng hồ đo biến dạng, thước ni vô
164	Mặt đường ô tô - Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0m	TCVN 8864:2011	Thước thẳng dài 3m, con nôm
165	Mặt đường ô tô - Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát - Thử nghiệm	TCVN 8866:2011	Cát tiêu chuẩn, ống đong, bàn xoa, thước dài, cân kỹ thuật
166	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011	Cần đo võng Benkelman
167	Bê tông nặng - Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012	Súng bật nảy
168	Bê tông nặng - Xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335:2012	Thiết bị siêu âm bê tông, súng bật nảy
169	Kết cấu bê tông cốt thép - Phương pháp điện tử xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012	Thiết bị siêu âm cốt thép trong bê tông
170	Chống sét cho công trình xây dựng - Đo điện trở nối đất	TCVN 9385:2012	Máy đo điện trở nối đất

TÍNH
TÂM
INH
TNG
INH
G

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị và dụng cụ thí nghiệm
171	Bê tông - Phương pháp xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020	Máy khoan rút lõi, máy cắt, máy nén, cân kỹ thuật, thước kẹp, thước vuông, thước thẳng, thước căn lá
172	Bê tông - Phương pháp siêu âm xác định cường độ chịu nén	TCVN 13536-2022	Thiết bị đo thời gian và tốc độ lan truyền xung siêu âm
173	Bê tông - Phương pháp siêu âm xác định khuyết tật	TCVN 13537:2022	Thiết bị siêu âm bê tông, thanh chuẩn, đá mài
174	Cọc - Phương pháp thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	Hệ gia tải, hệ đo đặc quan trắc, chuyên vị kế, máy thủy chuẩn

Ghi chú: Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng./.

CAO BÀN

PHỤ LỤC 02
DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM

(Kèm theo Bản công bố thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: 106/2026/TTKĐ - PTN ngày tháng 4 năm 2026)

TT	Tên thiết bị, dụng cụ	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
I. Thiết bị thí nghiệm bê tông				
1	Máy nén bê tông 2000kN	Cái	3	Trung Quốc
2	Máy thử thấm bê tông	Cái	1	Việt Nam
3	Côn thử độ sụt bê tông	Bộ	4	Việt Nam
4	Bộ gá uốn mẫu bê tông	Bộ	3	Việt Nam
5	Máy trộn bê tông 120L	Cái	2	Việt Nam
6	Khuôn 15x15x15cm	Cái	144	Việt Nam
7	Khuôn 15x15x60 cm	Cái	15	Việt Nam
8	Khuôn 15x15cm	Cái	12	Việt Nam
9	Khuôn 15x30cm	Cái	120	Việt Nam
II. Thiết bị thí nghiệm thí nghiệm vữa, xi măng				
1	Máy nén thủy lực 300kN	Cái	1	Trung Quốc
2	Máy trộn vữa xi măng	Cái	3	Việt Nam
3	Máy dẫn mẫu vữa xi măng	Cái	3	Việt Nam
4	Tủ dưỡng hộ xi măng	Cái	1	Trung Quốc
5	Bộ Vicat	Bộ	3	Việt Nam
6	Thiết bị xác định độ chảy theo Tiêu chuẩn ASTM	Bộ	1	Việt Nam
7	Bộ gá nén mẫu xi măng	Bộ	3	Việt Nam
8	Bộ gá uốn mẫu xi măng	Bộ	3	Việt Nam
9	Thiết bị thử độ lan tỏa của vữa	Bộ	1	Việt Nam
10	Thiết bị xác định độ chảy của vữa theo Tiêu chuẩn TCVN	Bộ	1	Việt Nam
11	Bình đo KLR của xi măng	Cái	5	Việt Nam
12	Khuôn đúc mẫu vữa 4x4x16 cm	Bộ	14	Việt Nam
13	Khuôn đúc mẫu vữa 5x5x5 cm	Bộ	4	Việt Nam

TT	Tên thiết bị, dụng cụ	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
III. Thiết bị thí nghiệm thép, Bulông				
1	Máy kéo thép WA-1000B	Cái	1	Trung Quốc
2	Máy kéo, nén, uốn thép WE - 1000B	Cái	1	Trung Quốc
3	Bộ gồi uốn thép Fi 6 - Fi 32	Bộ	4	Việt Nam
4	Bộ ngàm kéo bu lông	Bộ	3	Việt Nam
IV. Thiết bị thí nghiệm Bê tông nhựa; nhựa đường				
1	Thiết bị giãn dài nhựa đường	Bộ	1	Việt Nam
2	Thiết bị đo kim lún nhựa đường	Bộ	1	Trung Quốc
3	Thiết bị tổn thất khi nung	Bộ	1	Việt Nam
4	Thiết bị hoá mềm nhựa đường	Bộ	1	Trung Quốc
5	Thiết bị thí nghiệm bốc cháy nhựa đường	Bộ	1	Trung Quốc
6	Bể ổn nhiệt bê tông nhựa	Cái	1	Trung Quốc
7	Máy ly tâm tách nhựa	Cái	1	Việt Nam
8	Máy đầm MARSHALL tự động	Cái	1	Trung Quốc
9	Máy nén Marshall điện tử	Cái	1	Trung Quốc
10	Bộ dụng cụ xác định khối lượng riêng của bê tông nhựa (theo TCVN 8860-4:2011)	Bộ	1	Việt Nam
V. Thiết bị thí nghiệm đất, cấp phối đá dăm				
1	Máy đầm CBR/PROTOR tự động	Cái	2	Trung Quốc
2	Máy nén CBR (Cung lực 10kN)	Cái	1	Việt Nam
3	Máy nén CBR điện tử	Cái	2	Trung Quốc
4	Bộ CBR trong phòng	Bộ	30	Việt Nam
5	Cối đầm (tiêu chuẩn TCVN 4201:2012)	Cái	1	Việt Nam
6	Chày đầm (tiêu chuẩn TCVN 4201:2012)	Cái	1	Việt Nam
7	Cối Proctor tiêu chuẩn	Cái	3	Việt Nam
8	Cối Proctor cải tiến	Cái	3	Việt Nam
9	Chày Proctor tiêu chuẩn	Cái	3	Việt Nam
10	Chày Proctor cải tiến	Cái	3	Việt Nam

TT	Tên thiết bị, dụng cụ	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
11	Tấm kính nhám (TN giới hạn dẻo của đất)	Cái	3	Việt Nam
12	Bộ thí nghiệm xác định giới hạn chảy - Casagrande	Bộ	3	Trung Quốc
13	Bộ Vaxilieps xác định giới hạn chảy của đất	Cái	1	Trung Quốc
14	Tỷ trọng kế (Thí nghiệm đất)	Cái	1	Việt Nam
15	Máy nén đất tam liên loại thấp áp	Máy	1	Trung Quốc
16	Máy cắt đất 2 tốc độ (cung lực 0 - 1,2 kN)	Máy	1	Trung Quốc
VI. Thiết bị thí nghiệm gạch				
1	Máy uốn gạch men	Cái	1	Trung Quốc
2	Máy mài mòn bề mặt gạch ceramic	Cái	1	Trung Quốc
3	Bộ đo độ cứng thang Mohs	bộ	1	Trung Quốc
4	Thiết bị thử thấm nước gạch Bê tông	Bộ	2	Việt Nam
VII. Thiết bị thí nghiệm cát, đá				
1	Bảng so màu chuẩn	Cái	3	Việt Nam
2	Thước kẹp đo thời dẹt	Cái	6	Việt Nam
3	Bộ sàng tiêu chuẩn f200	Bộ	1	Việt Nam
4	Bộ sàng tiêu chuẩn f300	Bộ	4	Việt Nam
5	Bộ chia cốt liệu	Bộ	2	Việt Nam
6	Phễu xác định độ xốp của đá	Bộ	2	Việt Nam
7	Dụng cụ thí nghiệm xác định hàm lượng bụi bùn sét của cốt liệu lớn	Cái	2	Việt Nam
8	Dụng cụ thí nghiệm xác định hàm lượng bụi bùn sét của cốt liệu nhỏ	Cái	2	Việt Nam
9	Phễu xác định độ xốp của cát	Bộ	2	Việt Nam
10	Phễu xác định độ xốp của đá	Bộ	2	Việt Nam
11	Bộ xi lanh nén dập đá dăm	Bộ	2	Việt Nam
12	Côn chày hấp thụ thí nghiệm cát	Cái	3	Việt Nam
13	Thiết bị xác định độ góc cạnh của cát	Cái	1	Việt Nam

TT	Tên thiết bị, dụng cụ	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
14	Thiết bị xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	Cái	1	Việt Nam
15	Máy thử độ mài mòn Los Angeles	Cái	1	Việt Nam
16	Bộ lắc xác định đương lượng của cát	Cái	1	Việt Nam
VIII. Thiết bị thí nghiệm hiện trường				
1	Thước 3m đo độ bằng phẳng	Cái	1	Việt Nam
2	Máy đo điện trở tiếp địa	Cái	1	Nhật Bản
3	Bộ thí nghiệm Bentonite	Bộ	2	Việt Nam
4	Kích thủy lực 200 tấn	Cái	1	Việt Nam
5	Kích thủy lực 300 tấn	Cái	1	Việt Nam
6	Kích thủy lực 50 tấn	Cái	1	Italia
7	Đồng hồ đo lực (đồng hồ điện tử)	Cái	3	Việt Nam
8	Đồng hồ đo chuyển vị (0-50) mm	Cái	7	Trung Quốc
9	Đồng hồ đo áp suất	Cái	2	Trung Quốc
10	Bơm thủy lực	Cái	2	Việt Nam
11	Bơm thủy lực (bơm điện)	Cái	1	Nhật Bản
12	Máy siêu âm bê tông	Cái	1	Italia
13	Máy siêu âm bê tông	Cái	1	Anh
14	Súng bật nảy (loại cơ)	Cái	1	Italia
15	Súng bật nảy (loại cơ)	Cái	1	Thụy Sĩ
16	Súng bật nảy điện tử	Cái	1	Thụy Sĩ
17	Máy siêu âm định vị cốt thép và chiều dày lớp bê tông bảo vệ	Cái	1	Thụy Sĩ
18	Cần Benkelman	Bộ	1	Việt Nam
19	Bộ xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát	Cái	1	Việt Nam
20	Bộ CBR hiện trường	Bộ	1	Trung Quốc
21	Bộ CBR hiện trường	Bộ	1	Anh
22	Bộ đo đàn hồi bằng tấm ép cứng hiện trường	Bộ	1	Anh

TT	Tên thiết bị, dụng cụ	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
23	Bộ đo E của đất bằng tấm ép cứng	Bộ	1	Anh
24	Bộ TN độ chặt hiện trường bằng phễu rót cát	Bộ	9	Việt Nam
25	Bộ TN độ chặt hiện trường bằng PP dao vòng	Bộ	1	Việt Nam
26	Bộ máy khoan địa chất	Bộ	1	Trung Quốc, Việt Nam
27	Bộ dụng cụ thí nghiệm SPT hiện trường	Bộ	1	Việt Nam
IX. Thiết bị, dụng cụ thí nghiệm dùng chung				
1	Tủ sấy 300 °C	Cái	4	Trung Quốc
2	Lò nung 1000 °C	Cái	2	Trung Quốc
3	Máy cắt mẫu bê tông, đá gốc	Cái	1	Việt Nam
4	Máy cắt sắt	Cái	3	Việt Nam
5	Máy cắt cầm tay	Cái	1	Việt Nam
6	Máy khoan cầm tay	Máy	1	Việt Nam
7	Máy khoan cầm tay (chạy Pin)	Máy	5	Trung Quốc
8	Máy phát điện Honda 5KVA	Cái	1	Thái Lan
9	Hộp âm nhôm	Cái	50	Việt Nam
10	Hộp âm Inox	Cái	50	Việt Nam
11	Thước kẹp điện tử	Cái	1	Trung Quốc
12	Thiết bị ôn nhiệt (bể ôn nhiệt)	Cái	1	Trung Quốc
13	Nhiệt kế (điện tử) 1300°C	Cái	1	Đài Loan
14	Nhiệt kế (điện tử) 300°C	Cái	2	Trung Quốc
15	Nhiệt kế kim loại (loại cơ)	Cái	1	Trung Quốc
16	Bình tam giác 1000ml	Cái	3	Việt Nam
17	Ống đong thủy tinh 1000ml	Cái	3	Việt Nam
18	Ống đong thủy tinh 250ml	Cái	3	Việt Nam
19	Ống đong thủy tinh 500ml	Cái	3	Việt Nam
20	Ống đong thủy tinh dung tích 50 ml	Cái	3	Việt Nam
21	Ống đong thủy tinh dung tích 100 ml	Cái	3	Việt Nam

TT	Tên thiết bị, dụng cụ	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
22	Ống đồng thủy tinh dung tích 2 Lít	Cái	3	Việt Nam
23	Bình thủy tinh tam giác dung tích 2 Lít	Cái	2	Việt Nam
24	Bình thủy tinh tam giác dung tích 250 ml	Cái	7	Việt Nam
25	Bình thủy tinh hình cầu dung tích 100 ml	Cái	7	Việt Nam
26	Bình thủy tinh hút ẩm	Bộ	3	Việt Nam
27	Bộ bịt đầu Capping + tấm đế cao su	Cái	4	Việt Nam
28	Cân điện tử 6000g, chính xác 0,1g	Cái	3	Anh
29	Cân điện tử 1000g chính xác 0,01	Cái	1	Việt Nam
30	Cân điện tử 15 kg, chính xác 0,5g	Cái	5	Nhật Bản
31	Cân điện tử 15 kg, chính xác 0,5g	Cái	1	Mỹ
32	Cân điện tử 15 kg, chính xác 0,5g	Cái	3	Trung Quốc
33	Cân điện tử 30 kg, chính xác 1g	Cái	3	Mỹ
34	Cân cơ Khả năng cân: 310g; Độ chính xác 0,01g	Cái	1	Anh
35	Cân cơ 30kg; Độ chính xác 100g	Cái	1	Việt Nam
36	Giá đỡ cân thủy tinh	Cái	2	Trung Quốc
37	Kích tháo mẫu	Cái	1	Việt Nam
38	Đồng hồ so 0-10mm	Cái	36	Trung Quốc
39	Vòng đo lực 10kN	Cái	1	Việt Nam
40	Vòng đo lực 30kN	Cái	1	Việt Nam
41	Vòng đo lực 50kN	Cái	1	Việt Nam
42	Thước kẹp cơ	Cái	2	Việt Nam
43	Búa cao su	Cái	3	Việt Nam
44	Chày cao su	Cái	1	Việt Nam
45	Chày đồng	Cái	1	Việt Nam
46	Cối đồng	Cái	1	Việt Nam
47	Chày sứ	Cái	1	Việt Nam
48	Bát sứ	Cái	1	Việt Nam
49	Máy khoan rút lõi	Máy	1	Đài Loan

TT	Tên thiết bị, dụng cụ	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
50	Máy khoan rút lõi	Máy	2	Trung Quốc
51	Máy khoan rút lõi	Máy	1	Hàn Quốc
52	Máy khoan rút lõi tự hành, động cơ chạy xăng 4 kỳ	Máy	1	Việt Nam
53	Mũi khoan rút lõi (D98mm)	Cái	1	Việt Nam
54	Mũi khoan rút lõi (D68mm)	Cái	1	Việt Nam
55	Mũi khoan rút lõi (D57mm)	Cái	1	Việt Nam
56	Mũi khoan rút lõi (D45mm)	Cái	1	Việt Nam
57	Đế từ gá đồng hồ so	Cái	8	Việt Nam

CAO BÀ

PHỤ LỤC 03

DANH SÁCH CÁN BỘ QUẢN LÝ, THÍ NGHIỆM VIÊN THỰC HIỆN
CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM

(Kèm theo Bản công bố thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: 406/2026/TTKĐ - PTN ngày tháng 4 năm 2026)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Công việc thực hiện
1	Mông Thế Tài	Trưởng phòng	Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý Phòng Thí nghiệm
2	Phan Thành Nguyên	Nhân viên	Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng	Thí nghiệm trong phòng và hiện trường
3	Đỗ Hoàng Nam	Nhân viên	Kỹ sư công nghệ vật liệu xây dựng	Thí nghiệm trong phòng và hiện trường
4	Lãnh Đức Huynh	Nhân viên	Kỹ sư công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	Thí nghiệm trong phòng và hiện trường
5	Đặng Văn Nguyễn	Nhân viên	Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng	Thí nghiệm trong phòng và hiện trường
6	Lục Xuân Hòa	Nhân viên	Kỹ sư kỹ thuật cơ khí; Kỹ sư công nghệ kỹ thuật giao thông.	Thí nghiệm trong phòng và hiện trường
7	Đỗ Như Tùng	Nhân viên	Kỹ sư công nghệ vật liệu xây dựng	Thí nghiệm trong phòng và hiện trường
8	Bé Nhật Tân	Nhân viên	Kỹ sư công nghệ vật liệu xây dựng	Thí nghiệm trong phòng và hiện trường
9	Đặng Văn Dương	Nhân viên	Kỹ sư công trình thủy lợi	Thí nghiệm trong phòng và hiện trường
10	Đoàn Ngọc Tú	Nhân viên	Kỹ thuật viên	Thí nghiệm trong phòng và hiện trường

TT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Công việc thực hiện
11	Ngô Duy Khánh	Nhân viên	Kỹ thuật viên	Thí nghiệm trong phòng và hiện trường
12	Hoàng Doãn Duy	Nhân viên	Kỹ thuật viên	Thí nghiệm trong phòng và hiện trường
13	Sầm Thị Hành	Nhân viên	Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng	Thí nghiệm trong phòng và hiện trường
14	Nông Thiết Hùng	Nhân viên	Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng	Thí nghiệm trong phòng và hiện trường



PHỤ LỤC 04

TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG

(Kèm theo Bản công bố thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: 106/2026/TTKĐ - PTN ngày tháng 4 năm 2026)

TT	Tên trạm thí nghiệm	Địa chỉ
1	Trạm thí nghiệm hiện trường Km87+000	Xóm Hồng Định 5, xã Hạnh Phúc, tỉnh Cao Bằng
2	Trạm thí nghiệm hiện trường Km77+000	Xóm Hợp Thành, xã Thạch An, tỉnh Cao Bằng